

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Số: 784/MB - TCKT
V/v: CBTT Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm
2023 (đã kiểm toán)

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo-PMB) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội & Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc

- Mã chứng khoán: PMB

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.35378256 Fax: 024.35378255

- Email: pmb@pvfcco.com.vn Website: http://pmb.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán)

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 11/8/2023 tại đường dẫn: <http://pmb.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022: **Công ty không phát sinh**

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch;
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);
- Ngày hoàn thành giao dịch;

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận; *HN*

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GĐ (đề b/c);
- Lưu VT, TCKT.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán);
- Giải trình LNST thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦC BTT



TRƯỞNG PHÒNG TCHC
Phạm Trần Nguyễn

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Số: 785/MB - TCKT

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế BCTC
6 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán) thay đổi
trên 10% so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo-PMB) giải trình lợi nhuận sau thuế BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán) chênh lệch giảm hơn 10% so với thực hiện cùng kỳ năm 2022, do nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp các mặt hàng phân bón và dịch vụ thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 giảm 25% so với cùng kỳ năm trước.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán) của PVFCCo-PMB: <http://pmb.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. ↓

Trân trọng.

Nơi nhận; *th*

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT



TRƯỞNG PHÒNG TCHC
Phạm Trần Nguyễn



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

MIỀN BẮC

Đ. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Tạ Quốc Phương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

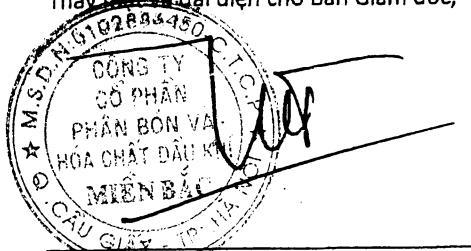
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

00-C
TY
ĐẢN
TTE
AM
LP H

Số: 0161 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2023, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

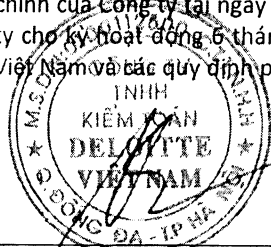
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hoàng Lan Hương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.089.109.242	183.642.464.294
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	111.914.585.616	96.162.950.365
1. Tiền	111		44.180.446.688	38.303.809.624
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.734.138.928	57.859.140.741
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.260.751.203	20.901.955.912
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.106.552.527	11.921.818.820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	16.791.561.789	8.424.946.064
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		362.636.887	555.191.028
III. Hàng tồn kho	140	7	65.930.124.421	66.339.869.795
1. Hàng tồn kho	141		69.243.711.915	73.782.423.655
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.313.587.494)	(7.442.553.860)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.983.648.002	237.688.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	740.992.364	237.688.222
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.255.914	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	3.208.399.724	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.312.590.638	14.078.047.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		72.000.000	72.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		72.000.000	72.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.173.019.013	6.947.529.527
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.158.057.079	6.924.807.966
- Nguyên giá	222		42.810.717.378	43.254.481.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.652.660.299)	(36.329.673.695)
2. Tài sản cố định vô hình	227		14.961.934	22.721.561
- Nguyên giá	228		95.613.600	95.613.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.651.666)	(72.892.039)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.067.571.625	7.058.517.728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.067.571.625	2.590.969.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	4.467.547.835
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		208.401.699.880	197.720.511.549

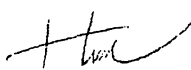
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

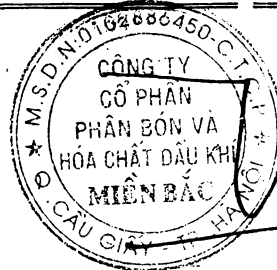
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.121.134.161	43.408.922.991
I. Nợ ngắn hạn	310		65.121.134.161	43.408.922.991
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	3.897.301.852	4.760.154.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	13.028.333.901	3.408.527.880
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	44.244.170	3.205.885.961
4. Phải trả người lao động	314		375.681.178	452.115.872
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	12.263.281.901	5.882.676.542
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	29.974.864.088	20.170.186.034
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.537.427.071	5.529.376.102
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.280.565.719	154.311.588.558
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	143.280.565.719	154.311.588.558
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	10.032.669.580
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.247.896.139	24.278.918.978
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		9.218.622.188	10.002.232.643
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		4.029.273.951	14.276.686.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		208.401.699.880	197.720.511.549


Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu


Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng




Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

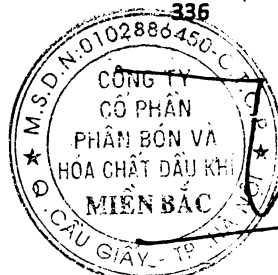
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.141.865.288.005	1.537.774.646.886
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	19.338.390.142	31.318.096.771
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	1.122.526.897.863	1.506.456.550.115
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1.082.551.932.377	1.453.246.263.879
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		39.974.965.486	53.210.286.236
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.093.182.314	356.967.077
7. Chi phí tài chính	22	21	18.493.151	328.145.205
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.493.151	328.145.205
8. Chi phí bán hàng	25	22	26.786.511.895	20.875.734.187
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	8.017.203.113	7.654.170.222
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.245.939.641	24.709.203.699
11. Thu nhập khác	31		49.800.909	25.525.126
12. Chi phí khác	32			13.913.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		49.800.909	11.612.126
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.295.740.550	24.720.815.825
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(3.208.399.724)	3.170.899.058
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	23	4.467.547.835	1.773.264.107
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.036.592.439	19.776.652.660
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	336	1.318

Hưng

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Hồng

Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.295.740.550	24.720.815.825
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.774.510.514	1.767.462.339
Các khoản dự phòng	03	(4.128.966.366)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(32.090.909)	(6.977.273)
Chi phí lãi vay	06	18.493.151	328.145.205
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.927.686.940	26.809.446.096
Thay đổi các khoản phải thu	09	606.948.795	18.570.143.428
Thay đổi hàng tồn kho	10	4.538.711.740	(38.431.232.951)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.807.732.804	(6.057.849.671)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.020.094.126	867.251.674
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.493.151)	(328.145.205)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.503.572.603)	(7.867.867.341)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.210.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.869.564.309)	(2.050.163.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.719.544.342	(8.488.417.823)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	32.090.909	6.977.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.090.909	6.977.273
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)	50	15.751.635.251	(8.481.440.550)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	96.162.950.365	122.829.837.489
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	<u>111.914.585.616</u>	<u>114.348.396.939</u>

Hu

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Uang

Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc ("Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102886450 cấp ngày 19 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 13 ngày 04 tháng 10 năm 2022. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 7 tháng 10 năm 2015 với mã chứng khoán là PMB.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") nắm giữ 75% vốn điều lệ. Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 66 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty đã được soát xét.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh phần mềm máy tính và giá trị bản quyền trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và giá trị bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng, thuê kho cho nhiều kỳ đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng, thuê kho được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo

1100
C
K
D
V
L
O
N
G

phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	492.327.009	59.879.418
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.688.119.679	38.243.930.206
Các khoản tương đương tiền (i)	67.734.138.928	57.859.140.741
	<u>111.914.585.616</u>	<u>96.162.950.365</u>

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3% đến 5,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất từ 3,0% đến 6%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.582.703.786	6.437.581.373
Công ty Cổ phần Phùng Hưng	1.072.148.443	5.045.847.780
Các khách hàng khác	451.700.298	438.389.667
	<u>3.106.552.527</u>	<u>11.921.818.820</u>
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	<u>1.582.703.786</u>	<u>6.437.581.373</u>

112
ĐĂNG
TRÌNH
M
LO
ÊT
ĐA

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	16.536.356.467	8.286.437.824
Các nhà cung cấp khác	255.205.322	138.508.240
	16.791.561.789	8.424.946.064
Trong đó:		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	16.536.356.467	8.286.437.824

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	78.687.396	-	580.631.288	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.978.009.909	-	118.677.860	-
Hàng hóa	67.187.014.610	(3.313.587.494)	73.083.114.507	(7.442.553.860)
	69.243.711.915	(3.313.587.494)	73.782.423.655	(7.442.553.860)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, giá trị dự phòng của hàng hóa có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được là 3.313.587.494 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7.442.553.860 VND).

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.128.966.366 VND (kỳ trước: 0 VND) do giá trị dự phòng hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 thấp hơn giá trị dự phòng đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	740.992.364	237.688.222
	740.992.364	237.688.222
Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng, thuê kho	-	1.180.303.417
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.067.571.625	1.410.666.476
	1.067.571.625	2.590.969.893
Cộng	1.808.563.989	2.828.658.115

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	28.077.312.198	468.128.000	10.959.418.503	3.206.329.760	543.293.200	43.254.481.661
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(443.764.283)	-	(443.764.283)
Số dư cuối kỳ	<u>28.077.312.198</u>	<u>468.128.000</u>	<u>10.959.418.503</u>	<u>2.762.565.477</u>	<u>543.293.200</u>	<u>42.810.717.378</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	24.126.162.547	303.182.643	8.335.719.792	3.021.315.513	543.293.200	36.329.673.695
Khấu hao trong kỳ	979.668.612	42.150.685	660.536.946	84.394.644	-	1.766.750.887
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(443.764.283)	-	(443.764.283)
Số dư cuối kỳ	<u>25.105.831.159</u>	<u>345.333.328</u>	<u>8.996.256.738</u>	<u>2.661.945.874</u>	<u>543.293.200</u>	<u>37.652.660.299</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	<u>3.951.149.651</u>	<u>164.945.357</u>	<u>2.623.698.711</u>	<u>185.014.247</u>	-	<u>6.924.807.966</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>2.971.481.039</u>	<u>122.794.672</u>	<u>1.963.161.765</u>	<u>100.619.603</u>	-	<u>5.158.057.079</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 5.796.423.121 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.240.187.404 VND).

11/01/2023

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	907.572.567	907.572.567	401.146.646	401.146.646
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Long Thành	503.715.702	503.715.702	334.762.600	334.762.600
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Phúc Long	433.619.828	433.619.828	585.693.385	585.693.385
Công ty TNHH Truyền Thông Vconnect	-	-	471.222.360	471.222.360
Các nhà cung cấp khác	2.052.393.755	2.052.393.755	2.967.329.609	2.967.329.609
	3.897.301.852	3.897.301.852	4.760.154.600	4.760.154.600

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	5.794.250.000	-
Công ty TNHH Việt Mỹ	3.529.558.380	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Đầu tư Xây dựng Thành Nam Group	1.532.680.853	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quyết Hiên	-	2.788.398.720
Các khách hàng khác	2.171.844.668	620.129.160
	13.028.333.901	3.408.527.880

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	137.655.158	-	137.655.158	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.503.572.603	(3.208.399.724)	2.503.572.603	(3.208.399.724)
Thuế thu nhập cá nhân	564.658.200	959.785.796	1.480.199.826	44.244.170
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	3.205.885.961	(2.245.613.928)	4.124.427.587	(3.164.155.554)

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	3.208.399.724
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.205.885.961	44.244.170

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trích trước chi phí lương, ăn ca và phụ cấp	7.444.174.313	4.010.212.942
Chi phí xúc tiến thương mại	4.106.167.850	-
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao nhận	376.747.738	1.402.899.775
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	336.192.000	469.563.825
	12.263.281.901	5.882.676.542

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.796.700.000	2.400.000.000
Kinh phí công đoàn	71.653.781	73.448.807
Cổ tức phải trả	14.400.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	12.706.510.307	17.696.737.227
	29.974.864.088	20.170.186.034
Trong đó:		
Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	10.800.000.000	-

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng Cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	120.000.000.000	10.032.669.580	32.183.604.269	162.216.273.849
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	19.776.652.660	19.776.652.660
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.736.702.158)	(5.736.702.158)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	120.000.000.000	10.032.669.580	46.223.554.771	176.256.224.351
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	120.000.000.000	10.032.669.580	24.278.918.978	154.311.588.558
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.036.592.439	5.036.592.439
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(1.667.615.278)	(1.667.615.278)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	120.000.000.000	10.032.669.580	13.247.896.139	143.280.565.719

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, Công ty thực hiện trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 660.296.790 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo phê duyệt, đồng thời tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.007.318.488 VND tương ứng với 20% phần lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.
- (ii) Cũng theo Nghị quyết này, Công ty quyết định chia cổ tức bằng tiền từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 14.400.000.000 VND. Theo thông báo số 411/TB-MB ngày 29 tháng 5 năm 2023, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền vào ngày 26 tháng 6 năm 2023. Tới ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ số cổ tức nêu trên.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Số cuối kỳ	Vốn đã góp Số đầu kỳ
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75%	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ đông khác	30.000.000.000	25%	30.000.000.000	30.000.000.000
	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	120.000.000.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.426.482.146	-
Trên 1 năm đến 5 năm	4.852.964.292	-
	7.279.446.438	-

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê 568 m² văn phòng, 55 m² khu vực vệ sinh tại Tầng 4, và 31 m² khu vực kho tầng hầm B1, tòa nhà Viện Dầu khí với giá thuê lần lượt là 325.859 VND/m²/tháng, 187.259 VND/m²/tháng và 220.000 VND/m²/tháng, theo hợp đồng thuê số 197/2017/HĐ/VPI-PVFCO ngày 30 tháng 6 năm 2017 và phụ lục gia hạn số 03 ngày 27 tháng 6 năm 2023, thời gian thuê gia hạn 3 năm tính từ 01 tháng 7 năm 2023.

Tài sản nhận giữ hộ

	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phân bón và sản phẩm hóa chất giữ hộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Tấn	12.298	33.611

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu Ure Phú Mỹ	813.377.045.000	1.178.571.600.000
Doanh thu hàng hóa khác	316.395.900.100	345.726.072.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>12.092.342.905</u>	<u>13.476.974.886</u>
	<u>1.141.865.288.005</u>	<u>1.537.774.646.886</u>
Chiết khấu thương mại	19.338.390.142	31.318.096.771
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.122.526.897.863</u>	<u>1.506.456.550.115</u>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 25)	<u>10.295.370.684</u>	<u>10.425.536.211</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn Ure Phú Mỹ	762.457.437.977	1.135.816.353.605
Giá vốn hàng hóa khác	309.109.012.065	305.419.952.150
Giá vốn cung cấp dịch vụ	<u>10.985.482.335</u>	<u>12.009.958.124</u>
	<u>1.082.551.932.377</u>	<u>1.453.246.263.879</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.292.227.231	21.451.232.628
Chi phí nhân công	15.417.202.363	12.385.300.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.774.510.514	1.767.462.339
Chi phí bằng tiền khác	<u>10.164.589.284</u>	<u>7.801.577.440</u>
	<u>47.648.529.392</u>	<u>43.405.573.325</u>

21. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí tài chính thể hiện chi phí lãi vay của khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2023/CTD/VCCBĐ-DKMB ngày 14 tháng 02 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 2 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay theo từng giấy nhận nợ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã tắt toán các khoản vay này và hoàn trả toàn bộ chi phí lãi vay trong kỳ.

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	10.457.429.646	7.780.992.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.588.513.362	4.716.706.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.585.057.941	1.465.386.441
Chi phí công cụ dụng cụ	299.629.548	198.338.053
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.855.881.398	6.714.309.773
	26.786.511.895	20.875.734.187
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	4.959.772.717	4.604.307.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.858.899.485	1.858.856.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	189.452.573	302.075.898
Chi phí đồ dùng văn phòng	170.509.495	114.303.745
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	835.568.843	771.625.869
	8.017.203.113	7.654.170.222

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.259.148.111	3.170.899.058
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(4.467.547.835)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.208.399.724)	3.170.899.058

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	6.295.740.550	24.720.815.825
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chiết khấu thương mại tạm tính và chi phí trích kỳ trước đã đủ điều kiện ghi nhận kỳ này	-	8.866.320.533
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6.295.740.550	15.854.495.292
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.259.148.111	3.170.899.058

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.467.547.835	1.773.264.107
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.467.547.835	1.773.264.107



24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.036.592.439	19.776.652.660
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.007.318.488)	(3.955.330.532)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.029.273.951	15.821.322.128
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>336</u>	<u>1.318</u>

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.295.370.684	10.425.536.211
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.295.370.684	10.425.536.211
Mua hàng	1.015.974.145.250	1.452.268.276.250
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.015.974.145.250	1.452.268.276.250
Chiết khấu nhận được	21.751.112.150	18.482.556.350
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.751.112.150	18.482.556.350
Chia cổ tức	10.800.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.800.000.000	-
Phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn	118.532.523	264.297.945
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	118.532.523	264.297.945
Nhận tiền hỗ trợ qua Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	2.210.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.210.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.582.703.786	6.437.581.373
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.582.703.786	6.437.581.373
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.536.356.467	8.286.437.824
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	16.536.356.467	8.286.437.824
Phải trả ngắn hạn khác	10.800.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.800.000.000	-

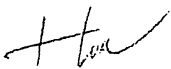
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:


	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022)	-	752.748.216
- Ông Lương Anh Tuấn	Chủ tịch	502.412.831	682.607.809
- Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên/ Giám đốc	381.901.899	-
- Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc	448.696.716	619.972.711
- Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2023)	405.373.354	603.771.448
- Ông Tạ Quốc Phương	Thành viên	24.000.000	32.000.000
		1.762.384.800	2.691.100.184



26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm 14.400.000.000 VND (kỳ trước: 0 VND) là số cổ tức chia cho các chủ sở hữu trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu


Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2023